

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU  
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH  
(TANIMEX)**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Niên độ từ 01/10/2017 đến 30/09/2018

TP.HCM, THÁNG 12 NĂM 2018



## PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301464904
- Vốn điều lệ : 264.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 264.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TPHCM
- Số điện thoại : (84-28) 386 86 378
- Số fax : (84-28) 38642060
- Website : [www.tanimex.com.vn](http://www.tanimex.com.vn)
- Mã cổ phiếu : TIX

### Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX) là Công ty Dịch vụ và Cung ứng Xuất khẩu, được thành lập theo Quyết định số 1920/QĐ-UB ngày 11 tháng 11 năm 1981 của Ủy ban Nhân dân Quận Tân Bình.
- Năm 1992, Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình được thành lập theo quyết định số 218/QĐ-UB ngày 11/02/1992 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 30/12/2006, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định số 6686/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình thành Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu Tư Tân Bình.
- Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động vào ngày 18/07/2006 theo giấy CNĐKKD số 4103005032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp. Ngày 13/7/2007, Công ty Tanimex đã hoàn thành thủ tục đăng ký và trở thành công ty đại chúng theo quy định của pháp luật. Ngày 13/09/2017, công ty đã thay đổi giấy CNĐKKD số 0301464904 lần thứ 16.

- Ngày 25/11/2009, Công ty Tanimex niêm yết cổ phiếu và chính thức trở thành Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### - Ngành nghề kinh doanh:

- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng
- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà xưởng, cao ốc văn phòng
- + Kinh doanh bất động sản
- + Đầu tư tài chính và các hoạt động khác

- **Địa bàn kinh doanh:** Các hoạt động kinh doanh của công ty có địa bàn chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

**3.1 Mô hình quản trị:** Tanimex là công ty cổ phần.

### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Tanimex đến ngày 30/09/2017 gồm:

- a) Đại Hội Đồng Cổ Đông có thẩm quyền cao nhất công ty
- b) Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu cử gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm từ 2015-2020 .
- c) Hội Đồng Quản trị công ty do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu cử gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm từ 2015-2020
- d) Ban Điều hành công ty gồm: 01 Tổng Giám Đốc, 02 Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng.
- e) Cơ cấu công ty gồm:

Mô hình của công ty Tanimex hiện nay gồm 04 phòng, ban chính bao gồm: Phòng Đầu Tư & Dự Án; Phòng Tài Chính Kế Toán; Phòng QTNS-HC và Ban Quản Lý Hạ tầng KCN.

### **Tanimex Group bao gồm:**

- (1) Công ty CP SX KD XNK DV & ĐT Tân Bình (Tanimex)
- (2) Công ty CP SX DV Tân Bình Tanimex (Taniservice)
- (3) Công ty CP DV Vận chuyển Thịnh Phát
- (4) Công ty CP SX DV Hưng Phát

- (5) Công ty CP Đầu tư và Phát triển Minh Phát
- (6) Công ty CP Tư vấn Đầu tư Giá trị
- (7) Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Tân Phú
- (8) Công ty CP DV Giáo dục Trí Đức
- (9) Công ty CP DV Giáo dục Đức Nhân
- (10) Công ty CP Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)
- (11) Công ty CP Logistics Nam Sài Gòn
- (12) Công ty TNHH MTV Dịch vụ Y tế Tân Bình (Tanimedi)

### 3.3 Các công ty con, công ty liên kết (ĐT&DA)

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Tanimex
1	Công ty CP Logistics Nam Sài Gòn	Văn phòng trung tâm dịch vụ khách hàng của CTCP Long Hậu, ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	100.000.000.000	49.00%
2	Công ty CP DV Vận chuyển Thịnh Phát	Lầu 2 - 475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	Dịch vụ vận tải hàng hóa và cho thuê xe văn phòng	30,000,000,000	48.33%
3	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Giá trị	Lầu 2 - 475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát công trình xây dựng và cung cấp thiết bị.	50,000,000,000	40.00%
4	Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Tân	Lầu 2 - 475D Lê Trọng Tấn,	Hoạt động kiến trúc và tư	30.000.000.000	39.67%

	Phú	P. Sơn Kỳ , Q.Tân Phú, TP.HCM	vấn kỹ thuật có liên quan		
5	Công ty Cổ phần Xây dựng - Cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)	Lô 6-1, Cụm 6 Khu công nghiệp Tân Bình II, Đường M1, Phường Bình Hung Hòa, Q. Bình Tân, TP.HCM	Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, sản xuất khung kèo thép, xà gỗ, các sản phẩm cơ khí, kinh doanh VLXD, cho thuê kho hàng, nhà xưởng.	25,000,000,000	35.13%
6	Công ty Cổ phần Bao bì Việt Phát	Đường Tam Tân, Ấp Bến Đò 2, Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TPHCM	Sản xuất bao bì carton	50,000,000,000	35.00%
7	Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Lâu 3-475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ , Q.Tân Phú, TP.HCM	Sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp. Dịch vụ ăn uống, cây xanh, điện, nước sinh hoạt, cho thuê kho xưởng.	70,000,000,000	33.00%
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Trí Đức	1333A Thoại Ngọc Hầu, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TPHCM	Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, THCS và THPT, giáo dục nghề, đại lý du lịch .	24,000,000,000	31.69%
9	Công ty CP DV Giáo dục Đức Nhân	Văn phòng trung tâm dịch vụ khách hàng của CTCP Long Hậu, ấp 3, Xã Long	Giáo dục mầm non	20.000.000.000	30.00%

		Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An			
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát	Lầu 4-475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải, bán buôn chuyên doanh khác.	60,000,000,000	27.50%

#### 4. Định hướng phát triển

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc công ty đã xác định rõ mục tiêu, chiến lược phát triển như sau:

##### 4.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cổ đông. Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

##### 4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tầm nhìn chiến lược trong trung hạn của Công ty Tanimex được Hội đồng quản trị xác định rõ:

- Giữ vững các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ làm nền tảng.
- Phát huy ngành nghề kinh doanh mũi nhọn là đầu tư hạ tầng và kinh doanh bất động sản, trở thành doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản trong nước và nước ngoài.
- Chuyển dịch các ngành nghề trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây dựng và sản xuất về các công ty thành viên liên kết thông qua hoạt động đầu tư tài chính.
- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng trên mọi phương diện, tối đa hóa lợi nhuận công ty và quyền lợi của cổ đông.
- Hội nhập và phát triển, xây dựng công ty theo mô hình các công ty nước ngoài phù hợp với xu hướng quốc tế hóa và toàn cầu.

##### 4.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Là chủ đầu tư KCN Tân Bình, công ty đã đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải công suất 4,000 m<sup>3</sup>/ngày-đêm cùng với hệ thống cây xanh cách ly bao phủ, công ty đã đạt chứng chỉ ISO 14000:9001 và là một KCN xanh, đạt nhiều giấy khen từ chính phủ đến địa phương.
- Đối với xã hội và cộng đồng, công ty Tanimex nhiều năm qua đã thực hiện nhiều chương trình vì cộng đồng, chung tay góp sức cùng chính quyền chăm lo cho bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, xây dựng nhà tình nghĩa tình thương, các chương trình ủng hộ giáo dục, học bổng, khám chữa bệnh .v.v.

## 5. Các rủi ro

- Sự âm lên của thị trường bất động sản, nguồn cung dồi dào, khiến doanh nghiệp phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị kinh doanh bất động sản khác về giá cả, dịch vụ...
- Nền kinh tế chịu nhiều tác động của tình hình kinh tế chính trị thế giới làm ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động thương mại, dịch vụ của công ty như ngành xăng dầu, nước uống tinh khiết, cơm công nghiệp, dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng .v.v..
- Chính sách tín dụng luôn thay đổi làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của công ty.
- Chính sách vĩ mô: Luật, Nghị định của Chính Phủ về lĩnh vực đất đai, bất động sản còn nhiều thay đổi ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của công ty.

## PHẦN II :

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NIÊN ĐỘ

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ tài chính từ 01/10/2017 đến 30/09/2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Cho niên độ tài chính từ ngày 01/10/2017 đến 30/09/2018

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		182.656.265.615	591.035.997.243
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	11.363.636
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		182.656.265.615	591.024.633.607
4	Giá vốn hàng bán	11		52.242.794.469	397.868.577.787
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.413.471.146	193.156.055.820
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		28.872.939.636	33.057.437.895
7	Chi phí tài chính	22		1.378.637.971	558.680.332
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		43.974.757	419.554.348
8	Chi phí bán hàng	24		44.117.804.234	58.647.643.827
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.584.542.581	22.217.551.618
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.205.425.996	144.789.617.938
11	Thu nhập khác	31		17.878.520.568	424.670.909
12	Chi phí khác	32		115.317.794	35.919.526
13	Lợi nhuận khác	40		17.763.202.774	388.751.383
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		107.968.628.770	145.178.369.321
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		17.791.456.055	27.641.182.104
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3.490.369.636	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		86.686.803.079	117.537.187.217
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.855	4.048
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.855	4.048



- Tổng doanh thu năm 2018, so sánh với doanh thu năm 2017 chỉ đạt 37% là do năm 2017 Công ty bàn giao và ghi nhận 100% doanh thu của dự án chung cư Sơn Kỳ 1 nên làm cho doanh thu tăng đột biến so với năm nay.
- Về Lợi nhuận sau thuế, tương tự năm 2017 công ty ghi nhận Lợi nhuận từ chung cư Sơn Kỳ, nên so sánh với cùng kỳ 2017 LNST năm nay chỉ đạt 75%.

## 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện niên độ TC từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Kế hoạch niên độ TC từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Thực hiện niên độ TC từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	% TH/KH (từ 1/10/2017 đến 30/09/2018)	% TH năm nay/ năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	591.035.997.243	189.900.000.000	182.656.265.615	96,19%	30,90%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	11.363.636	0	0		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	591.024.633.607	189.900.000.000	182.656.265.615	96,19%	30,91%
4	Giá vốn hàng bán	397.868.577.787	64.800.000.000	52.242.794.469	80,62%	13,13%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.156.055.820	125.100.000.000	130.413.471.146	104,25%	67,52%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	33.057.437.895	25.200.000.000	28.872.939.636	114,58%	87,34%
7	Chi phí tài chính	558.680.332	2.000.000.000	1.378.637.971	68,93%	246,77%
8	Chi phí bán hàng	58.647.643.827	32.300.000.000	44.117.804.234	136,59%	75,23%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.217.551.618	22.000.000.000	23.584.542.581	107,20%	106,15%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	144.789.617.938	94.000.000.000	90.205.425.996	95,96%	62,30%
11	Thu nhập khác	424.670.909	0	17.878.520.568	0	4.209,97%
12	Chi phí khác	35.919.526	0	115.317.794	0	321,04%
13	Lợi nhuận khác	388.751.383	0	17.763.202.774	0	4.569,30%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.178.369.321	94.000.000.000	107.968.628.770	114,86%	74,37%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.641.182.104	14.900.000.000	17.791.456.055	119,41%	64,37%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	3.500.000.000	3.490.369.636	99,72%	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	117.537.187.217	75.600.000.000	86.686.803.079	114,67%	73,75%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.048	2.486	2.855	114,87%	70,55%

- Nhìn chung các chỉ tiêu năm nay đều giảm so với năm trước là do năm 2017 Công ty hạch toán toàn bộ doanh thu của dự án chung cư Sơn Kỳ 1 nhưng so với kế hoạch đầu năm, tuy doanh thu chỉ đạt 96.19% nhưng lợi nhuận sau thuế đạt 115% kế hoạch chủ yếu là do trong năm Công ty đã tiết giảm chi phí tối đa và hoàn nhập khoản trích trước dự án đầu tư do không thực hiện nên vượt chỉ tiêu kế hoạch về LNST là 15%.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ tên (Bao gồm chức vụ)	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Quang Trường.- Tổng Giám đốc	0	0.00%
2	La Ngọc Thông - Phó Tổng Giám đốc	0	0.00%
3	Nguyễn Đình Minh Triết – Phó TGD	70.008	0.27%
4	Hà Thị Thu Thảo - Kế toán trưởng	1.617	0.01%

### TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ học vấn, chuyên môn	Quá trình công tác
1	Trần Quang Trường Tổng Giám đốc	13/08/1968	12/12 Cử nhân kinh tế Thạc sĩ QTKD	- Từ 1992 - 1997: công tác tại Ngân hàng Vietcombank - Từ 1998 đến nay: công tác tại công ty Tanimex với các chức vụ Phó Giám đốc khách sạn Phương Đông; Phó Ban Đầu tư Kinh doanh Hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình; Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp; Phó Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc; TV HĐQT.
2	La Ngọc Thông Phó Tổng Giám đốc	05/9/1962	12/12 Cử nhân kinh tế vận tải biển	- Từ tháng 08/1982 - 31/12/1999: Công tác tại Cảng Bình Đông (nay là Cảng Sông Thành phố) - Từ 01/9/2000 đến nay: Công tác tại Công ty Tanimex
3	Nguyễn Đình Minh Triết – Phó TGD	14/10/1979	12/12 Cử nhân	- Từ 2006 - 11/2014 : CTCP SX TM DV Kim Cương

			tài chính ngân hàng	- Từ 12/2014 đến nay : Công ty Tanimex
4	Hà Thị Thu Thảo - Kế toán trưởng	13/03/1975	12/12 Cử nhân kinh tế - Ngành Tài chính kế toán	- Từ tháng 03/1999 - 06/2001: kế toán tổng hợp tại Công ty Thanh Niên Xung Phong TP. HCM trực thuộc lực lượng Thanh Niên Xung Phong TP.HCM - Từ tháng 7/2001 - 10/2001: kế toán tổng hợp công ty Vietien Tungshing. - Từ tháng 11/2001 - 3/2004: kế toán tổng hợp Công ty TNHH TM DV Thiên Nam Hoà - Từ tháng 2004 đến nay: + 4/2004 - 8/2009: kế toán tổng hợp + 9/2009 - 3/2014: kế toán phó + 4/2014 - 12/2015: PGĐ P.TCKT + 01/01/2016 đến nay: Kế toán trưởng, GD P.TCKT.

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: không có

## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

### a) Tình hình lao động:

Diễn giải	Bình quân năm 2018	Bình quân năm 2017	So sánh
Lao động trực tiếp	49	74	66%
Lao động gián tiếp	65	65	100%
<b>Tổng số lao động</b>	<b>114</b>	<b>139</b>	<b>82%</b>

### b) Chăm lo đời sống cho người lao động:

- Thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, tiền lương
- Khám sức khoẻ tổng quát định kỳ
- Cho CBNV vay lãi suất 0%. Tổng cộng trong năm qua có 74 lượt CBNV được vay tương đương 1.35 tỉ đồng.
- Trao học bổng cho con em CBNV có thành tích học tập với kinh phí năm 2018 là 153 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân năm 2018 đạt 13,100,000đ/người/tháng, tăng 11% so với thu nhập bình quân năm 2017

**c) Công tác đào tạo và định hướng cơ cấu nhân sự:**

- Đào tạo bên ngoài: Năm qua Công ty đã cử 40 lượt CBNV đi học các lớp chuyên môn nghiệp vụ với chi phí 47.12 triệu đồng.
- Đào tạo tại công ty: thông qua các chương trình huấn luyện đội nhóm, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa, thành lập các tổ nghiên cứu dự án ...
- Chương trình trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên được công ty đặc biệt quan tâm để tạo nguồn lực cho các kế hoạch phát triển trong thời gian tới của Tanimex.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án:****a) Các khoản đầu tư lớn**

\* Các công trình đã tổ chức thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng:

STT	CÔNG TRÌNH	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN (đồng)
1	Nhà xe cao tầng số 1	48,060,000,000
2	Nhà xe cao tầng số 2	31,315,000,000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79,375,000,000</b>

\* Các công trình đang tổ chức thi công :

STT	CÔNG TRÌNH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (đồng)
1	Chung cư Bình Phú	197,000,000,000
2	Văn phòng Đảng đoàn – Văn phòng KCNTB	22,390,000,000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>219,390,000,000</b>

## b) Các công ty con, công ty liên kết :

## b1) Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên kết (đến 30/09/2018)

ĐVT: triệu đồng

STT	CÔNG TY	Kế hoạch 2018		Thực hiện 2018	
		Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty CP Logistics Nam Sài Gòn	0	0	348	(543)
2	Công ty CP DV Vận chuyển Thịnh Phát	8,800	350	13,969	410
3	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Giá trị	82,320	1,350	75,050	926
4	Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Tân Phú	25,200	1,030	24,829	514
5	Công ty Cổ phần Xây dựng - Cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)	155,0000	6,900	78,762	1,109
6	Công ty Cổ phần Bao bì Việt Phát	177,025	4,002	136,838	1,772
7	Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	433,581	15,142	431,418	18,181
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Trí Đức	83,250	4,500	79,900	4,150
9	Công ty CP DV Giáo dục Đức Nhân	0	0	0.8	(13)
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát	32,263	4,772	54,133	5,239

**b2) Tóm tắt tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết (đến 30/09/2018)**

<i>DVT : tr.đ</i>				
STT	CHỈ TIÊU	CÔNG TY TANISERVICE	CÔNG TY THỊNH PHÁT	CÔNG TY HÙNG PHÁT
<b>A. CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>87.283</b>	<b>7.733</b>	<b>8.842</b>
	Tiền & các khoản tương đương tiền	10.014	668	2.550
	Đầu tư TC ngắn hạn	10.000	2.500	
	Khoản phải thu ngắn hạn	52.679	4.234	2.223
	Hàng tồn kho	14.343		3.931
	TS ngắn hạn khác	247	331	138
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>147.228</b>	<b>35.303</b>	<b>69.285</b>
	Khoản phải thu dài hạn	3.920	177	253
	TSCĐ	7.260	18.050	41
	BĐS đầu tư	4.217		6.197
	TS dở dang dài hạn			4.020
	Đầu tư TC dài hạn	108.757	17.076	55.786
	TS dài hạn khác	23.074		2.988
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>234.511</b>	<b>43.036</b>	<b>78.127</b>
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>91.170</b>	<b>6.836</b>	<b>26.724</b>
	Nợ ngắn hạn	80.112	5.996	23.353
	Nợ dài hạn	11.058	840	3.371
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn CSH</b>	<b>143.341</b>	<b>36.200</b>	<b>51.403</b>
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	39.368	1.165	5.298
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>234.511</b>	<b>43.036</b>	<b>78.127</b>
<b>B. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH</b>				
		<b>TANISERVICE</b>	<b>THỊNH PHÁT</b>	<b>HÙNG PHÁT</b>
<b>1</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số nợ / tổng tài sản (%)	38,9%	15,9%	34,2%
	Hệ số nợ / vốn CSH (%)	63,6%	18,9%	52,0%
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán nhanh (lần)</b>	0,9	1,3	0,2
<b>3</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho (lần)	28,5		15,2
	Vòng quay phải trả (lần)	3,5	1,6	3,2
<b>4</b>	<b>Hệ số thanh toán lãi vay</b>	4,7		19,0
<b>5</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>			
	EPS (đ/CP)	2.597	137	1.502
	ROS	4,3%	3,4%	6,5%
	ROA	7,6%	1,2%	7,0%
	ROE	13,7%	1,4%	9,8%

				<i>DVT: tr.đ</i>
STT	CHỈ TIÊU	CÔNG TY MINH PHÁT	CÔNG TY GIÁ TRỊ	CÔNG TY TÂN PHÚ
<b><u>A. CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</u></b>				
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>52.570</b>	<b>40.487</b>	<b>31.200</b>
	Tiền & các khoản tương đương tiền	17.478	2.375	4.968
	Đầu tư TC ngắn hạn		19.050	16.612
	Khoản phải thu ngắn hạn	25.672	6.107	1.775
	Hàng tồn kho	2.359	9.001	6.202
	TS ngắn hạn khác	7.061	3.954	1.643
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>132.299</b>	<b>44.167</b>	<b>12.533</b>
	Khoản phải thu dài hạn	24		
	TSCĐ	67.713	36.123	12.533
	BDS đầu tư	9.557		
	TS dở dang dài hạn			
	Đầu tư TC dài hạn	43.977	6.500	
	TS dài hạn khác	11.028	1.544	
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>184.869</b>	<b>84.654</b>	<b>43.733</b>
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>108.549</b>	<b>28.033</b>	<b>7.903</b>
	Nợ ngắn hạn	39.463	9.147	7.903
	Nợ dài hạn	69.086	18.886	
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn CSH</b>	<b>76.320</b>	<b>56.621</b>	<b>35.830</b>
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.612	5.766	812
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>184.869</b>	<b>84.654</b>	<b>43.733</b>
<b><u>B. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH</u></b>		<b>MINH PHÁT</b>	<b>GIÁ TRỊ</b>	<b>TÂN PHÚ</b>
<b>1</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số nợ / tổng tài sản (%)	58,7%	33,1%	18,1%
	Hệ số nợ / vốn CSH (%)	142,2%	49,5%	22,1%
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán nhanh (lần)</b>	<b>1,3</b>	<b>3,4</b>	<b>3,2</b>
<b>3</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho (lần)	24,2	10,6	7,1
	Vòng quay phải trả (lần)	0,3	2,6	1,9
<b>4</b>	<b>Hệ số thanh toán lãi vay</b>	<b>2,4</b>	<b>1,7</b>	<b>79,8</b>
<b>5</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>			
	EPS (đ/CP)	953	185	206
	ROS	10,6%	1,3%	2,1%
	ROA	2,9%	1,0%	1,2%
	ROE	7,3%	1,6%	1,8%

			<i>DVT: tr.đ</i>	
STT	CHỈ TIÊU	CÔNG TY TRÍ ĐỨC	CÔNG TY ĐỨC NHÂN	
<b>A. CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>16.515</b>	<b>1.927</b>	
	Tiền & các khoản tương đương tiền	11.020	153	
	Đầu tư TC ngắn hạn	1.500	1.750	
	Khoản phải thu ngắn hạn	2.054		
	Hàng tồn kho			
	TS ngắn hạn khác	1.941	24	
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>39.052</b>	<b>150</b>	
	Khoản phải thu dài hạn	1.148		
	TSCĐ	28.891		
	BDS đầu tư			
	TS dở dang dài hạn		150	
	Đầu tư TC dài hạn	2.950		
	TS dài hạn khác	6.063		
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>55.567</b>	<b>2.077</b>	
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>22.381</b>	<b>90</b>	
	Nợ ngắn hạn	18.433	90	
	Nợ dài hạn	3.948		
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn CSH</b>	<b>33.186</b>	<b>1.987</b>	
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.243	-13	
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>55.567</b>	<b>2.077</b>	
<b>B. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH</b>				
		<b>TRÍ ĐỨC</b>	<b>ĐỨC NHÂN</b>	
<b>1</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số nợ / tổng tài sản (%)	40,3%	4,3%	
	Hệ số nợ / vốn CSH (%)	67,4%	4,5%	
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán nhanh (lần)</b>	<b>0,9</b>	<b>21,4</b>	
<b>3</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho (lần)			
	Vòng quay phải trả (lần)	1,0		
<b>4</b>	<b>Hệ số thanh toán lãi vay</b>	<b>20,1</b>		
<b>5</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>			
	EPS (đ/CP)	448		
	ROS	4,9%		
	ROA	2,1%		
	ROE	3,3%		



		<i>DVT : tr.đ</i>	
STT	CHỈ TIÊU	CÔNG TY TANICONS	CÔNG TY NAM SÀI GÒN
<b><i>A. CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</i></b>			
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>47.516</b>	<b>53.630</b>
	Tiền & các khoản tương đương tiền	6.688	16.372
	Đầu tư TC ngắn hạn	11.862	7.200
	Khoản phải thu ngắn hạn	14.038	30.058
	Hàng tồn kho	14.835	
	TS ngắn hạn khác	93	
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>54.514</b>	<b>397</b>
	Khoản phải thu dài hạn	660	
	TSCĐ	39.544	
	BĐS đầu tư	2.942	
	TS dở dang dài hạn	7.246	
	Đầu tư TC dài hạn		397
	TS dài hạn khác	4.122	
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>102.030</b>	<b>54.027</b>
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>49.998</b>	<b>271</b>
	Nợ ngắn hạn	28.077	271
	Nợ dài hạn	21.921	
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn CSH</b>	<b>52.132</b>	<b>53.756</b>
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.360	-543
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>102.130</b>	<b>54.027</b>
<b><i>B. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH</i></b>			
		TANICONS	NAM SÀI GÒN
<b>1</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>		
	Hệ số nợ / tổng tài sản (%)	49,0%	0,5%
	Hệ số nợ / vốn CSH (%)	95,9%	0,5%
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán nhanh (lần)</b>	1,2	197,9
<b>3</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>		
	Vòng quay hàng tồn kho (lần)	1,8	
	Vòng quay phải trả (lần)	1,9	
<b>4</b>	<b>Hệ số thanh toán lãi vay</b>	1,6	
<b>5</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>		
	EPS (đ/CP)	444	-
	ROS	1,5%	0,0%
	ROA	1,2%	0,0%
	ROE	2,0%	0,0%

**4. Tình hình tài chính:****4.1. Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	2016	2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,030,416,609,924	1,016,360,242,755	98.64%
Doanh thu thuần	591,024,633,607	182,656,265,615	30.91%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	144,789,617,938	90,205,425,996	62.30%
Lợi nhuận khác	388,751,383	17763,202,774	4,569.30%
Lợi nhuận trước thuế	145,178,369,321	107,968,628,770	74.37%
Lợi nhuận sau thuế	117,537,187,217	86,686,803,079	73.75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10% (6 tháng đầu năm, vốn đều lệ 240 tỉ) Và 15% (6 tháng cuối năm, vốn điều lệ 264 tỉ)	25%	103.77%

**Ghi chú:**

2017: Niên độ tài chính từ 01/10/2017 - 30/09/2018

2018: Niên độ tài chính từ 01/10/2017 - 30/09/2018

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	2017	2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3.93	4.20	
+ Hệ số thanh toán nhanh	2.94	2.96	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	34.97%	33.96%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	53.77%	51.42%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho	1.54	0.47	
+ Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	0.52	0.18	
4/ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/DT thuần	19.89%	47.46%	
+ Hệ số LNST/Vốn CSH	17.54%	12.91%	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	11.41%	8.53%	
+ Hệ số LN từ HĐKD/DT thuần	24.50%	49.39%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### 5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân hiện nay là: 26,400,000 cp.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 28/11/2017 là 301 cổ đông, biến động giảm 8 cổ đông so với cùng kỳ. Thống kê chi tiết cơ cấu cổ đông NĐTC 2017 như sau:

Đối tượng	Ngày chốt 25/11/2016		Ngày chốt 28/11/2017		Biến động tăng/ giảm năm 2017 so với năm 2016	
	SL CP sở hữu	Tỷ lệ	SL CP sở hữu	Tỷ lệ	SL CP sở hữu	Tỷ lệ
<b>1. Trong nước</b>	21.731.970	90,55%	24.048.319	91,09%	<b>2.316.349</b>	<b>0,54%</b>
1.1 Cá nhân	7.295.561	30,40%	8.107.172	30,71%	<b>811.611</b>	<b>0,31%</b>
1.2 Tổ chức	14.436.409	60,15%	15.941.147	60,38%	<b>1.504.738</b>	<b>0,23%</b>
<b>2. Nước ngoài</b>	2.268.030	9,45%	2.351.681	8,91%	<b>83.651</b>	<b>-0,54%</b>
2.1 Cá nhân	25.970	0,11%	26.530	0,10%	<b>560</b>	<b>-0,01%</b>
2.2 Tổ chức	2.242.060	9,34%	2.325.151	8,81%	<b>83.091</b>	<b>-0,53%</b>
<b>3. Nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>CỘNG:</b>	<b>24,000,000</b>	<b>100,00%</b>	<b>26.400.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.400.000</b>	<b>0,00%</b>

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1. Chính sách liên quan đến người lao động**

- Số lao động năm 2018 là 114 người, công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm và tiền lương, triển khai thực hiện Nghị định số 112/2015/NĐCP ngày 14/11/2015 về quy định lương tối thiểu vùng, tuân thủ việc trả lương cơ bản và đóng bảo hiểm người lao động đúng quy định, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV cùng với các hoạt động tích cực từ các đoàn thể, công tác chăm sóc sức khỏe, hoạt động cho vay xóa đói giảm nghèo, học bổng cho con em cán bộ vẫn được quan tâm đặc biệt; thu nhập bình quân tại công ty mẹ đạt 13,100,000 đồng/người/tháng, tăng 11% so với năm 2017.
- Hàng năm Công ty tổ chức khám bệnh tổng quát cho toàn công ty, đối với CBNV nữ có 02 đợt khám phụ khoa mỗi năm.

**6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Với phương châm phát triển kinh doanh luôn song hành cùng công tác xã hội, năm 2018 công ty Tanimex đã thực hiện các chương trình hỗ trợ quỹ ủng hộ người nghèo, xây nhà tình nghĩa, tình thương, hỗ trợ các mẹ Việt Nam anh hùng, các quỹ học bổng và các chương trình hỗ trợ cộng đồng khác với kinh phí trên 2.51 tỷ đồng cho các địa phương, tỉnh, thành trong cả nước

**6.3. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** không có.

## PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

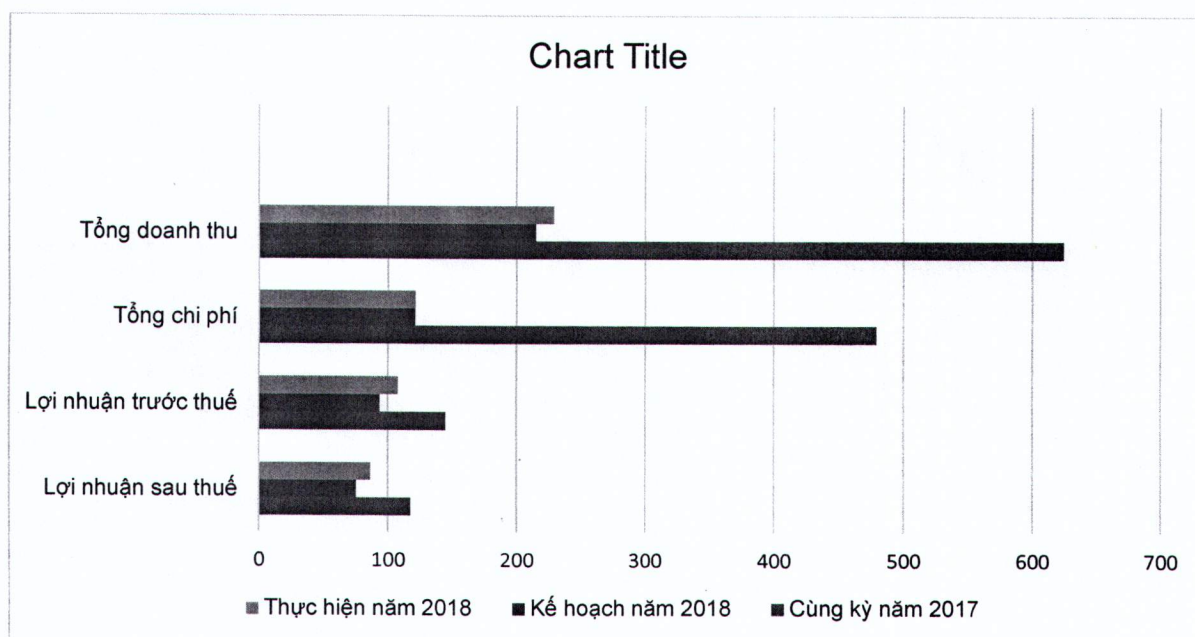
### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### 1.1. DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN:

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Diễn giải	Cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh (%)	
					So với cùng kỳ năm 2017	So với kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	624.507	215.100	229.408	37%	107%
2	Tổng chi phí	479.328	121.100	121.439	25%	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	145.178	94.000	107.969	74%	115%
4	Lợi nhuận sau thuế	117.537	75.600	86.687	74%	115%

#### Biểu đồ minh họa:



**Phân tích:**

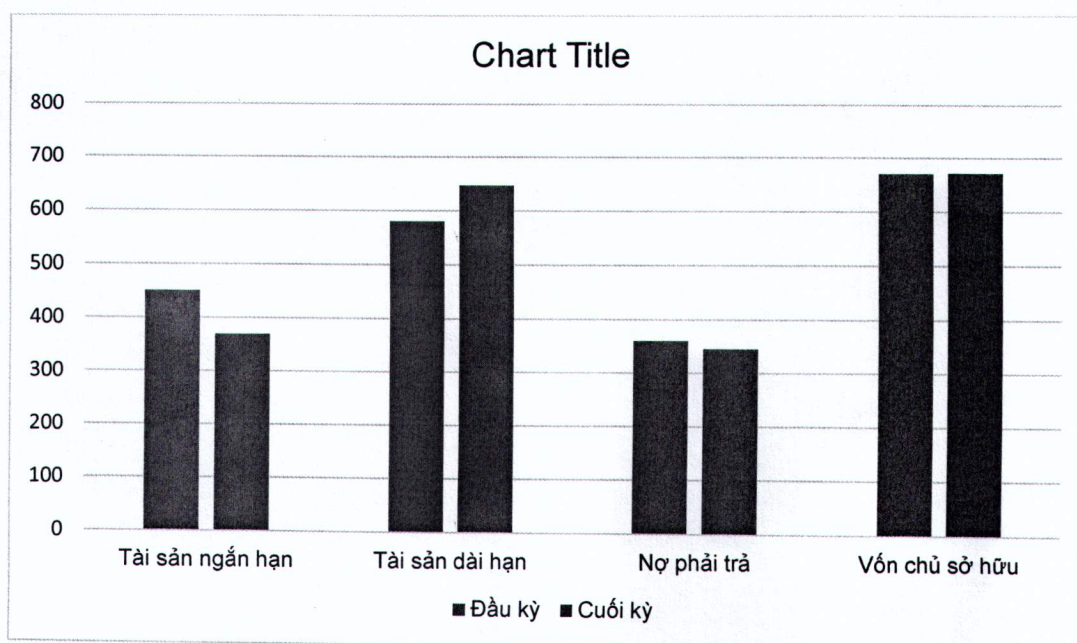
- Tổng doanh thu năm 2018, so sánh với doanh thu năm 2017 chỉ đạt 37% là do năm 2017 ghi nhận 100% doanh thu của chung cư Sơn Kỳ 1; so với kế hoạch doanh thu năm 2018, kết quả thực hiện đạt 107%, vượt 7% so với kế hoạch đề ra
- Về Lợi nhuận sau thuế, tương tự năm 2017 công ty ghi nhận lợi nhuận từ chung cư Sơn Kỳ, nên so sánh với cùng kỳ 2017 LNST chỉ đạt 75%, nhưng so với kế hoạch lợi nhuận đầu năm, kết quả thực hiện năm nay đạt 115% kế hoạch, vượt chỉ tiêu kế hoạch về LNST là 15% .

**1.2. TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN:**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Đầu kỳ	Cuối kỳ	So sánh
<b>A</b>	<b>Tài sản</b>	<b>1.030.417</b>	<b>1.016.360</b>	<b>99%</b>
1	Tài sản ngắn hạn	450.314	369.717	82%
2	Tài sản dài hạn	580.103	646.643	115%
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>1.030.417</b>	<b>1.016.360</b>	<b>99%</b>
1	Nợ phải trả	360.303	345.125	96%
2	Vốn chủ sở hữu	670.114	671.235	100%

\*Biểu đồ minh họa:



**Phân tích:** Cuối năm tổng tài sản và nguồn vốn biến động không đáng kể. Tuy nhiên trong cơ cấu tài sản có sự thay đổi: tài sản ngắn hạn giảm 82% và tài sản dài hạn tăng 115% so với đầu năm là do trong năm Công ty chuyển cơ cấu từ đầu tư ngắn hạn sang đầu tư dài hạn.

### **1.3 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ NỘI LỰC CÔNG TY:**

STT	CHỈ TIÊU	CÙNG KỲ NĐTC 2017	THỰC HIỆN NĐTC 2018
1	<b>EPS (đ/CP)</b> (LNST/ Số lượng CP) <i>Earning Per Share</i>	4.048	2.855
2	<b>ROS</b> (LNST/ Doanh thu thuần) <i>Return On Sales</i>	<b>19,89%</b>	<b>47,46%</b>
3	<b>ROA</b> (LNST/Tổng TS) <i>Return On Assets</i>	<b>11,4%</b>	<b>8,53%</b>
4	<b>ROE</b> (LNST/Vốn chủ SH) <i>Return On Equity</i>	<b>17,54%</b>	<b>12,91%</b>

### **1.4 ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2018:**

Trong niên độ tài chính 2018, doanh thu và lợi nhuận thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh ổn định của Công ty như: cho thuê mặt bằng, kho xưởng, đầu tư tài chính ...

**2 Tình hình tài chính****a) Tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	% tăng giảm
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.030.416.609.924</b>	<b>1.016.360.242.755</b>	<b>98,64%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>450.313.918.336</b>	<b>369.717.290.775</b>	<b>82,10%</b>
Tiền và tương đương tiền	73.900.619.283	116.771.627.995	158,01%
Các khoản đầu tư TCNH	218.000.075.501	112.319.870.206	51,52%
Các khoản phải thu NH	44.674.748.151	30.921.576.539	69,21%
Hàng tồn kho	112.883.985.253	108.856.011.463	96,43%
Tài sản ngắn hạn khác	854.490.148	848.204.572	99,26%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>580.102.691.588</b>	<b>646.642.951.980</b>	<b>111,47%</b>
Các khoản phải thu DH	4.600.115.683	1.850.976.946	40,24%
Tài sản cố định	40.653.728.408	31.828.621.138	78,29%
Bất động sản đầu tư	209.103.651.555	194.811.806.809	93,17%
Tài sản dở dang dài hạn	13.048.201.811	39.981.558.862	306,41%
Các khoản đầu tư TCDH	170.515.411.523	233.128.791.085	136,72%
Tài sản dài hạn khác	142.181.582.608	145.041.197.140	102,01%

Nhìn chung, tổng tài sản năm nay tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước, biến động giảm không đáng kể với tỷ lệ 1.36%. Tổng tài sản giảm chủ yếu liên quan đến việc chi trả cổ tức theo tỷ lệ tăng so với năm trước.

Tuy nhiên trong cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm còn 82.10% và tài sản dài hạn tăng lên 111.47% so với đầu năm, cụ thể như sau:

- Tài sản ngắn hạn giảm 17.90% do thu hồi nợ ngắn hạn và tất toán các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

- Tài sản dài hạn tăng 11.47% do trong kỳ Công ty tăng đầu tư góp vốn vào các đơn vị liên kết, đơn vị khác và đang thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản còn dở dang chưa kết chuyển vào TSCĐ. Đồng thời, giảm tỷ lệ phải thu dài hạn còn 40.24% so với đầu năm.

**b) Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	% tăng giảm
<b>Nợ phải trả</b>	<b>360.302.308.982</b>	<b>345.125.029.284</b>	<b>95,79%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>114.599.463.859</b>	<b>88.116.431.296</b>	<b>76,89%</b>
Phải trả người bán	11.376.152.619	5.515.638.868	48,48%
Vay và nợ thuê tài chính NH	1.027.922.319	1.932.000.000	187,95%
Phải trả ngắn hạn khác	66.489.490.888	34.454.485.826	51,82%



Các khoản nợ ngắn hạn khác	35.705.898.033	46.214.306.602	129,43%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>245.702.845.123</b>	<b>257.008.597.988</b>	<b>104,60%</b>
Vay và nợ thuê tài chính DH	0	6.462.382.306	
Phải trả dài hạn khác	39.765.538.431	60.880.055.142	153,10%
Các khoản nợ dài hạn khác	205.937.306.692	189.666.160.540	92,10%

So với đầu năm, nợ ngắn hạn cuối năm có biến động lớn, giảm còn 76.89% nhưng nợ dài hạn tăng lên 104.60% làm cho tổng nợ phải trả cuối năm giảm còn 95.79%.

Nợ ngắn hạn giảm 23.11% so với đầu năm do: Trong năm công ty đã chuyển giao kinh phí bảo trì chung cư cho Ban quản trị Chung cư Sơn kỳ 1 theo thời hạn quy định của pháp luật và kết toán tiền đền bù tái định cư phải trả cho các hộ dân KCN Tân Bình do điều chỉnh quy hoạch không thực hiện. Đồng thời, công ty giảm các khoản nợ người bán ngắn hạn.

Nợ dài hạn tăng 4.60% so với đầu năm, chủ yếu do Công ty nhận ký quỹ, ký cược của khách hàng tăng.

### 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không có

### 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì sức mạnh tập thể, phát triển kinh doanh dựa trên nền tảng tiềm lực tài chính, năng lực lãnh đạo, trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên là sức mạnh không phải đơn vị nào cũng có được, Công ty Tanimex tự tin với kế hoạch phát triển của đơn vị và tự tin đem lại lợi nhuận cho cổ đông

### 5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

### 6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

**6.1.** Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Hoạt động kinh doanh của công ty tuân thủ các quy định về môi trường, luôn nâng cao ý thức chấp hành luật trong toàn thể các bộ công nhân viên, hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện, góp phần vào cải thiện môi trường

**6.2.** Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nguồn nhân lực là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, chăm lo đời sống người lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp

### **6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Công tác thiện và hỗ trợ các tổ chức từ thiện tại địa bàn công ty hoạt động cũng như tại các địa phương trên toàn quốc là hoạt động thường xuyên định kỳ của công ty trong suốt năm, đồng thời công ty cũng giáo dục ý thức quan tâm đến cộng đồng đến toàn thể cán bộ nhân viên.



## PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- HĐQT đã định hướng hoạt động SXKD công ty Tanimex đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám Đốc điều hành và Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc điều hành;
- Các đề xuất của Ban Tổng giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời;
- Công ty đã chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT thực hiện hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám Đốc thông qua bảng phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể, luôn theo dõi sát sao tình hình hoạt động của công ty, giám sát và có những chỉ đạo định hướng và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, tổ chức bộ máy công ty và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của công ty và pháp luật.

Năm 2018, Ban Tổng Giám Đốc công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: chỉ tiêu Doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo cổ tức cho cổ đông 20%/ năm.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Duy trì sức mạnh tập thể, phát triển kinh doanh dựa trên nền tảng tiềm lực tài chính, năng lực lãnh đạo, trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên là sức mạnh không phải đơn vị nào cũng có được, Công ty Tanimex tự tin với kế hoạch phát triển của đơn vị và tự tin đem lại lợi nhuận cho cổ đông

## PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số lượng CP TIX có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	23/01/2015	353,887	1.34%
2	Ông Trần Quang Trường	Thành viên HĐQT	23/01/2015	0	0.00%
3	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT	23/01/2015	70,000	0.27%
4	Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	23/01/2015	70,000	0.27%
5	Ông Lê Trọng Lập	Thành viên HĐQT	23/01/2015	0	0.00%

### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	23/01/2015	04/04	100%	
2	Ông Trần Quang Trường	TV HĐQT	23/01/2015	04/04	100%	
3	Ông Huỳnh An Trung	TV HĐQT	23/01/2015	04/04	100%	
4	Bà Vũ Thị Thanh Hồng	TV HĐQT	23/01/2015	04/04	100%	
5	Ông Lê Trọng Lập	TV HĐQT	23/01/2015	04/04	100%	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc . Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số lượng CP TIX có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Hào	Trưởng BKS	15/01/2016	14.156	0.05%
2	Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên BKS	23/01/2015	0	0
3	Ông Võ Chí Thanh	Thành viên BKS	23/01/2015	73.920	0.28%

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Hào	Trưởng BKS	15/01/2016	04/04	100%	
2	Bà Trần Thị Hạnh	TV BKS	23/01/2015	04/04	100%	
3	Ông Võ Chí Thanh	TV BKS	23/01/2015	04/04	100%	

Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát theo chức năng nhiệm vụ quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hằng năm của Công ty.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Định mức lương/tháng	Thưởng HĐKD 2016	Quyền lợi khác
<b>A- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>					
1	Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	9,000,000	Không	Không
2	Lê Trọng Lập	Thành viên	6,000,000	không	không
3	Trần Quang Trường	Thành viên	6,000,000	không	không
4	Huỳnh An Trung	Thành viên	6,000,000	không	không
5	Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên	6,000,000	không	không
6	Lê Nguyễn Hương Dương	Thư ký	5,000,000	không	không
<b>B - BAN KIỂM SOÁT</b>					
1	Nguyễn Thị Hào	Trưởng Ban	6,000,000	không	không
2	Võ Chí Thanh	Thành viên	5,000,000	không	không
3	Trần Thị Hạnh	Thành viên	5,000,000	không	Không
<b>C - BAN ĐIỀU HÀNH</b>					
1	Trần Quang Trường	Tổng Giám đốc	100.000.000	300.000.000	Không
2	La Ngọc Thông	Phó TGD	64.000.000	192.000.000	Không

3	Nguyễn Đình Minh Triết	Phó TGDĐ	64.000.000	192.000.000	Không
4	Hà Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	42.000.000	126.000.000	Không

### b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Lê Trần Quang Trường	TV HĐQT	90,000	0.79%	0	0.00%	Bán cổ phiếu ngày 18/04/2018
2	Ông Lê Trọng Lập	TV HĐQT	210,000	0.79%	0	0.00%	Bán cổ phiếu ngày 16/07/2018
3	Công ty CP Logistics Nam Sài Gòn	Là tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Đình Minh Triết – Phó Tổng Giám đốc	0	0.00%	200,000	0.76%	Mua cổ phiếu từ 06/08 - 03/09/2018

### c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

### d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Trong năm tài chính 2018, công ty đã cử 40 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo về chuyên ngành, các khóa về kỹ năng quản lý do các đơn vị có uy tín thực hiện như công ty kiểm toán A&C, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam VCCI với kinh phí 47.12 triệu đồng.

## PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

#### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 11 năm 2018, từ trang 07 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công



ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**Địa chỉ website công bố, cung cấp báo cáo tài chính :**

[http://www.tanimex.com.vn/index.php?option=com\\_content&view=category&layout=blog&id=23&Itemid=157&lang=vi](http://www.tanimex.com.vn/index.php?option=com_content&view=category&layout=blog&id=23&Itemid=157&lang=vi)

**TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2018**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN QUANG TRƯỜNG**